

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học (Kinh tế Thông tin và Truyền thông),
Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐẶNG THỊ VIỆT ĐỨC

2. Ngày tháng năm sinh: 26/12/1980; Nam ; Nữ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 10, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Liền kề CL46, 368B Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại di động: 0914.932.612; E-mail: ducdtv@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 4/2003 tới tháng 10/2003: Nhân viên, Văn phòng đại diện tại Hà Nội, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản JBIC

- Từ tháng 10/2003 tới tháng 8/2004: Chuyên viên, Khoa Quốc tế và đào tạo sau đại học, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

- Từ tháng 9/2004 tới tháng 9/2005: Học thạc sỹ, Đại học Leeds (University of Leeds), Anh Quốc
- Từ tháng 10/2005 tới tháng 12/2006: Giảng viên, Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Từ tháng 1/2007 tới tháng 12/2009: Học tiến sỹ, Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản (JAIST), Nhật Bản
- Từ tháng 6/2010 tới tháng 9/2010: Giảng viên, Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Từ tháng 10/2010 tới nay: Giảng viên, Khoa Tài chính Kế toán, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Từ tháng 1/2016 tới tháng 7/2016: Trưởng Bộ Môn Tài chính, Khoa Tài chính Kế toán, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Từ tháng 8/2016 tới tháng 10/2017: Trưởng Bộ Môn Tài chính, Phó trưởng khoa, Khoa Tài chính Kế toán, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Từ tháng 11/2017 tới tháng 8/2019: Trưởng Bộ Môn Tài chính, Phó trưởng khoa, Phụ trách khoa, Khoa Tài chính Kế toán, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Từ tháng 8/2019 tới nay: Trưởng khoa, Khoa Tài chính Kế toán, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: 122 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024)37562186

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 03 tháng 03 năm 2003, ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại thương Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 23 tháng 11 năm 2005, ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Leeds (University of Leeds), Anh Quốc

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 12 năm 2009, ngành: Khoa học tri thức; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản (Japan Advanced Institute of Science and Technology- JAIST), Nhật Bản

Các văn bằng, xác nhận khác:

- Chứng chỉ Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm, số 856 do Học viện Quản lý giáo dục cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (Hạng II), số 3679-1286/QĐ-HVQLGD do Học viện Quản lý Giáo dục cấp ngày 21 tháng 12 năm 2018.

- Công nhận Bằng tốt nghiệp Thạc sỹ, số 013083/CNVB.ThS do Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 21 tháng 3 năm 2017.

- Công nhận Bằng tốt nghiệp Tiến sỹ, số 013084/CNVB.TS do Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 21 tháng 3 năm 2017.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kinh tế Thông tin và Truyền thông (Kinh tế ICT);

- Tài chính Tiền tệ, Tài chính Doanh nghiệp, Công nghệ Tài chính.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài cấp Bộ Thông tin và Truyền thông, 01 đề tài cấp Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

- Đã công bố (số lượng) 36 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm: 2013, 2019, 2020, 2021

- Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam do thành tích công tác xuất sắc năm 2012

- Bằng khen của Bộ Thông tin và Truyền thông do thành tích công tác xuất sắc giai đoạn giai đoạn 2012-2013 và 2019-2020

- Khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2019-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt 16 năm 8 tháng là giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, tôi luôn trau dồi kiến thức chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, rèn luyện tư cách đạo đức để luôn đáp ứng các tiêu chuẩn của một giảng viên. Về giảng dạy, tôi tham gia giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp trình độ đại học, cao học và tiến sỹ. Về nghiên cứu khoa học, tôi là chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp cơ sở, công bố các bài báo trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, trình bày các báo cáo hội thảo chuyên môn. Tôi tham gia tích cực trong việc phát triển ngành đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo của Học viện. Tôi cũng thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ sinh viên về học tập, nghiên cứu khoa học, hướng nghiệp và nhiều hoạt động đoàn thể khác.

Từ năm 2016, tôi bắt đầu tham gia quản lý với tư cách Trưởng bộ môn Tài chính của Khoa Tài chính Kế toán 1. Sau đó, tôi tiếp tục được lãnh đạo Học viện tin tưởng bổ nhiệm làm Phó trưởng khoa, Phó phụ trách khoa và từ năm 2019 là Trưởng khoa Tài chính Kế toán. Tôi đã thực hiện tốt vai trò quản lý, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển Khoa trong kế hoạch và chiến lược phát triển chung của Học viện. Khoa Tài chính Kế toán 1 luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động khác do Học viện giao. Các hoạt động hợp tác với các trường đại học khác, các hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp được mở rộng để tạo sự kết nối giữa giảng dạy và thực tế nghề nghiệp. Năm 2019-2020, Khoa Tài chính Kế toán 1 đã tích cực xây dựng chương trình đại học Công nghệ Tài chính của Học viện. Trong hai năm 2019, 2020, Khoa đều đạt được danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. Năm 2020 Khoa được tặng Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tôi tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ mọi tiêu chuẩn của Nhà giáo và hoàn thành nhiệm vụ của Nhà giáo được quy định tại Luật Giáo dục và Điều lệ Trường Đại học và đã góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Khoa Tài chính Kế toán 1, mục tiêu, chiến lược và sứ mệnh của Học viện, cũng như trách nhiệm xã hội của Khoa và Học viện trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội quốc gia.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 16 năm 8 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	-	-	01	08	310.4	60	370.4/493.2/216
2	2017-2018	-	-	03	-	321.4	60	381.4/520.7/216
3	2018-2019	-	-	01	09	322.4	60	382.4/508.1/216
03 năm cuối								
4	2019-2020	-	-	-	08	356.4	60	416.4/564.3/202.5
5	2020-2021	-	-	02	07	384.0	60	444.0/582.6/189
6	2021-2022	-	-	02	09	356.4	-	356.4/481.8/189

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Nhật Bản năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL ITP 610 (4/2019), IELTS 6.5 (3/2014)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Trang Vân		x	x		6/2016-6/2017	Học viện CNBCVT	2017
2	Bùi Hoàng Linh		x	x		6/2017-6/2018	Học viện CNBCVT	2018
3	Lê Văn Tiến		x	x		11/2017-11/2018	Học viện CNBCVT	2019
4	Hoàng Thị Phương Anh		x	x		11/2017-11/2018	Học viện CNBCVT	2019
5	Nguyễn Việt Hưng		x	x		12/2018-8/2019	Học viện CNBCVT	2019
6	Trịnh Văn Duyên		x	x		5/2020-5/2021	Học viện CNBCVT	2021
7	Đông Văn Ninh		x	x		5/2020-5/2021	Học viện CNBCVT	2021
8	Nguyễn Quang Huy		x	x		4/2021-1/2022	Học viện CNBCVT	2022
9	Nguyễn Văn Thái		x	x		4/2021-1/2022	Học viện CNBCVT	2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được cấp bằng TS						
1	Giáo trình Tài chính tiền tệ	GT	NXB Thông tin và Truyền thông, 2022 (ISBN: 978-604-80-6196-8)	03	Chủ biên	Chương 1-2, 4-5 (từ trang 7 đến trang 101; từ trang 135 đến trang 213)	QĐ số 718/QĐ-HV ngày 2/10/2020
2	Kinh tế số: Thực trạng và hướng phát triển tại Việt Nam	CK	NXB Giáo dục, 2020 (ISBN: 978-604-0-22529-0)	01	Chủ biên	Viết toàn bộ (từ trang 3 đến trang 188)	Xác nhận số 501/HV-GXN ngày 20/6/2022
3	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TK	NXB Thông tin và Truyền thông, 2020 (ISBN: 978-604-80-4401-5)	02	Đồng chủ biên (2)	Chương 1-6 (từ trang 13 đến trang 155)	QĐ số 645/QĐ-HV ngày 24/5/2022
4	Quản trị tri thức trong doanh nghiệp	TK	NXB Thông tin và Truyền thông, 2016 (ISBN: 978-604-80-1885-6)	02	Đồng chủ biên (2)	Chương 1, 4-6 (từ trang 9 đến trang 27; từ trang 79 đến trang 143)	QĐ số 645/QĐ-HV ngày 24/5/2022

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					
...					

II	Sau khi được cấp bằng TS				
1	Nghiên cứu về nền kinh tế số (digital economy) và đề xuất với ngành công nghệ thông tin và truyền thông	Đồng CN	ĐT.031/17, Bộ Thông tin và Truyền thông	2/2017-11/2017	Nghiệp thu cấp Bộ ngày 13/12/2017, Đạt
2	Nghiên cứu đánh giá tác động của ngành ICT tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2010-2018 và dự báo tới 2025	CN	ĐT.23/19, Bộ Thông tin và Truyền thông	4/2019-11/2019	Nghiệp thu cấp Bộ ngày 03/12/2019, Đạt
3	Nghiên cứu mô hình đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong doanh nghiệp: Ứng dụng đánh giá tại một số doanh nghiệp Việt Nam	CN	ĐT.26/20, Bộ Thông tin và Truyền thông	1/2020-11/2020	Nghiệp thu cấp Bộ ngày 24/11/2020, Đạt
4	Nghiên cứu đánh giá đóng góp của ngành kinh tế số tới GDP Việt Nam giai đoạn 2016-2020	CN	ĐT.26/21, Bộ Thông tin và Truyền thông	2/2021-11/2021	Nghiệp thu cấp Bộ ngày 16/12/2021, Đạt
5	Quy trình chuyển giao tri thức trong hoạt động M&A doanh nghiệp	CN	27-2015-HV- TCKT1, Học viện	3/2015-11/2015	Nghiệp thu cấp Học viện ngày 31/12/2015, Tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Modeling the Development toward the Knowledge Economy: A National Capability Approach	02	x	Journal of Knowledge Management, Annual Special Issue on Knowledge-based Development, ISSN 1367-3270	WoS (IF2020: 8.182), Scopus (Q1, CiteScore 10.3)	78	13(5), 359-372	9/2009

				https://doi.org/10.1108/13673270910988169				
2	An Extended Sharing Model to Provide ICT Services to the Rural Poor: A Case Study of the Village Phone in Bangladesh	03	x	International Journal of Education and Development Using ICT (IJEDICT), ISSN 1814-0556 http://ijedict.dec.uwi.edu/viewarticle.php?id=487		11	4(3), 6-18	9/2008
3	The Concept of Knowledge in Economics: A Historical Review	01	x	Proceeding International Conference: The 8th International Symposium on Knowledge and Systems Sciences, ISBN 978-4-903092-07-2 https://dspace.jaist.ac.jp/dspace/handle/10119/4150				11/2007
4	Lý thuyết cấu trúc vốn và khả năng áp dụng với các doanh nghiệp cổ phần hoá	01	x	Tạp chí Thuế nhà nước ISSN 1859-0756			29 (99), 22-23	8/2006
II	Sau khi được cấp bằng TS							
II.1	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế							
5	Critical Factors Affecting the Adoption of Artificial Intelligence: An Empirical Study in Vietnam	03		Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN 2288-4637/ eISSN 2288-4645 https://doi.org/10.13106/jafeb.2022.vol9.no5.0225	Scopus 2021 (Q2, CiteScore 2.6)		9(5), 0225-0237	5/2022
6	Does ICT improve business productivity? Evidence from Vietnam	05	x	Journal of Economics and Development ISSN 1859-0020 eISSN 2632-5330			Special issue 2022, 2-17	6/2022
7	The Retail Industry's Impact of Artificial Intelligence Chatbots and Augmented-Reality Applications: An examination of trust and satisfaction of the Youth Vietnamese online shopping	02	x	Journal of Operations and Supply Chain Management (JOSCM) ISSN 1984-3046 https://doi.org/10.53384/ijssom.813323831359.19843046			8(9), 91-101	12/2021

8	Extending UTAUT2 in Mobile money adoption and actual use behavior: An empirical research in Vietnam during the Covid-19	03	x	Industrielle Beziehungen (INBE) ISSN: 0943-2779 https://doi.org/10.53384/inbe.101390943.2779.1862003510	Scopus 2021 (Q3, CiteScore 0.7)		10(4), 376-393	12/2021
9	The Nexus of ICT, Manufacturing Productivity and Economic Restructuring in Vietnam	02	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637/ eISSN 2288-4645 https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no9.0235	Scopus 2021 (Q2, CiteScore 2.6)		8(9), 0235-0247	9/2021
10	Sources of output growth of the ICT sector in Vietnam	02	x	Journal of Reviews on Global Economics ISSN 1929-7092 https://doi.org/10.6000/1929-7092.2020.09.30		02	9, 308-320	9/2020
11	Analysing ICT economic impact in Vietnam	02	x	Research in World Economy ISSN 1923-3981, 1923-399X https://doi.org/10.5430/rwe.v11n5p34	Scopus 2020 (CiteScore 0.3)	02	11(5) Special issue, 34-47	9/2020
12	The role of coordinators in value co-creation process in Software Offshoring: A Knowledge Management Perspective	04		International Journal of Knowledge and Systems Science ISSN 1947-8208/ eISSN 1947-8216 DOI: 10.4018/ijkss.2014040101	WoS- ESCI (IF2021 1.0)	01	5(2), 1-18	4/2014
II.2 Bài báo đăng trên tạp chí được tính điểm công trình trong nước								
13	Mô hình phát triển kinh tế số và trường hợp của Việt Nam	01	x	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội- Nghiên cứu Chính sách và Quản lý ISSN 2615-9295/ eISSN 2588-1116			37(2), 81-92	6/2022

14	Đóng góp của ngành ICT vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000-2019	02	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh châu Á ISSN 2615-9104 http://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=fc56d8d6-d6a6-4086-8899-35f981f56d5a			32(2), 65-80	2/2021
15	Mức độ sử dụng ICT và tăng trưởng GDP các ngành kinh tế Việt Nam	01	x	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365			33, tháng 11/2021 (787), 13-16	11/2021
16	Cấu trúc cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng tới gia tăng sản lượng ngành tài chính ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2007-2016	01	x	Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN 1859-3666 http://tckhtm.tmu.edu.vn/uploads/tckhtm/news/2020_01/j137-138-3.pdf			37-38, 28-39	1/2020
17	Tiền di động và triển vọng phát triển tại Việt Nam	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán ISSN 1859-4093			09 (194) 2009, 44-59	9/2019
18	Tác động của ICT tới nền kinh tế Việt Nam	01	x	Tạp chí KH đại học Huế: chuyên san Kinh tế và Kinh doanh ISSN 2588-1205 https://doi.org/10.26459/hueuni-jed.v128i5D.5314			128(5D), 5-19	10/2019
19	Contribution of ICT to Vietnamese Economy: An Input-Output Analysis	02	x	VNU Journal of Science: Economics and Business ISSN 2615-9287/ eISSN 2558-1108 https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4192		08	33(5E), 1-17	10/2018
20	Đánh giá môi trường đầu tư PPP tại Việt Nam	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365			29, tháng 10/2018 (675), 20-23	10/2018

21	Tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam	02	x	Tạp chí Tài chính ISSN 2615-8973			Kỳ 1 tháng 03/2018 (676), 53-56	3/2018
22	Kinh tế số: Hiện trạng và đề xuất phát triển cho Việt Nam	03	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365			33, tháng 11/2017 (673), 14-17	11/2017
23	The Concentration and Competition of Vietnam Mobile Telecommunications Market Through HHI and Elasticity of Demand	02	x	VNU Journal of Science: Policy and Management Studies ISSN 2615-9295/ eISSN 2588-1116 https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4087		01	33(2), 21-39	6/2017
24	Quản lý giá cước bán lẻ dịch vụ viễn thông Việt Nam	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365			10, tháng 4/2017 (650), 27-31	4/2017
25	Xếp hạng tín dụng khách hàng thẻ nhân tại trung tâm thông tin dụng quốc gia Việt Nam	02		Tạp chí Tài chính ISSN 2615-8973 https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/xep-hang-tin-dung-khach-hang-the-nhan-tai-trung-tam-thong-tin-tin-dung-quoc-gia-viet-nam-116266.html			Kỳ 1- tháng 12/2016 (646), 42-47	12/2016
26	Vấn đề quản lý dịch vụ OTT tại Việt Nam	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365			24, tháng 10/2016 (632), 10-13	10/2016
27	Quản lý cước kết cuối cuộc gọi: Lý luận, thực tiễn và các đề xuất cho Việt Nam	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu ISSN 0868-3581			9 (192) 2016, 68-80	9/2016
28	Hợp nhất năng lực doanh nghiệp hậu M&A	01	x	Tạp chí Tài chính ISSN 2615-8973			Kỳ 1 tháng 12/2015 (622), 63-66	12/2015

29	Những bài học sáp nhập từ trường hợp của Cisco	01	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương ISSN 0868-3808		454 (10/2015), 13-15	10/2015
30	Tuỳ chỉnh trong kế toán và chất lượng báo cáo tài chính doanh nghiệp	01	x	Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN 1859-3666		84 (8/2015), 50-55	8/2015
31	Tính linh hoạt tài chính của doanh nghiệp	01	x	Tạp chí Tài chính ISSN 2615-8973		Kỳ 2 tháng 6/2015 (611), 17-20	6/2015
32	Nhìn lại chính sách và thực trạng thu thuế tại Việt Nam	01	x	Tạp chí Tài chính ISSN 2615-8973		6 (596) 2014, 54- 56	6/2014
33	Mô hình kinh doanh: Công cụ nhận thức hỗ trợ doanh nghiệp	01	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương ISSN 0868-3808		11/2014, 40-42	11/2014
34	Định vị ICT Việt Nam thông qua chỉ số phát triển quốc tế IDI	01	x	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365		21, tháng 11/2013 (557), 26-28	11/2013
35	Định giá chuyển đổi: Kinh nghiệm của các nước và bài học cho Việt Nam	01	x	Tạp chí Thuế Nhà nước ISSN 1859-0756		20 (430) 5/2013, 10-11	5/2013
36	Sự ra đời ngành ICT Việt Nam và những bài học	03	x	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 1859-4972 eISSN: 2734-9365		23/2012 (535), 29-31	12/2012

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **03 bài (8, 9 và 11)**.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT Công nghệ tài chính	Thường trực tổ soạn thảo	Quyết định số 1004/QĐ-HV ngày 05/11/2019	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Quyết định số 601/QĐ-HV ngày 18/8/2020	Chương trình mở mã ngành đào tạo đại học mới

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đặng Thị Việt Đức